



THƯ GỬI BẠN

VÀI CÂU CHUYỆN THIỀN

NGUYỄN GIỤ HÙNG



Qua Thiền tông, chúng ta có một số chuyện thiền hay giai thoại được lưu truyền để nhằm mục đích diễn giải triết lý thâm sâu của đạo Phật từ các bậc thiền sư.

%%%

Tôi cố nhớ lại những điều các sư đã từng giảng kinh KIM CANG trong những ngày đại lễ Phật. Cả cuốn kinh này chỉ tóm tắt để trả lời hai câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề (tên một đệ tử của Phật):

- 1) Làm sao để *hàng phục tâm*.
- 2) Làm sao để *an trụ tâm*.

Chỉ có hai điều đó thôi mà muốn hiểu được nó, thực hành được nó thật vô cùng khó khăn. Ngay đến cụ Nguyễn Du cũng phải tự nhận là đã tụng kinh này hơn một nghìn lần mà cụ vẫn chưa “ngộ” được cốt tủy của kinh Kim Cang. Kể sơ cơ như chúng ta chỉ cầu mong có ý niệm về kinh này thôi cũng đã thấy khó lắm rồi.

- **An trụ tâm** là không để cho tâm chạy theo trần cảnh. Tức là ta sống vẫn mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm nhưng tâm không đắm nhiễm, mà chỉ *trụ tâm* vào chỗ không chấp, không vướng mắc, đó là giữ tâm thanh tịnh, tự tại trước sự tham ái, sợ hãi, khổ đau, sinh diệt, vô thường . . . của cuộc đời.

- **Hàng phục** được tâm phân biệt, vọng tưởng là ta đang *an trụ tâm*.

Như vậy **hàng phục tâm cũng chính là an trụ tâm** vậy.

Vậy thì, đối với những kẻ “sơ cơ” như chúng ta, hãy tạm:

- **Mắt:** Không thấy vật chất là vĩnh cửu, là quý giá, cần nắm giữ cho riêng mình.

- **Tai:** Không nghe nhiều, không chấp vào tiếng khen chê, sanh tâm thương ghét phân biệt.

- **Mũi:** Không để cho mùi vị, hương lạ làm tâm tán loạn, sanh tâm mê đắm, thích hưởng thụ.

- **Lưỡi:** Không để cho cảm giác ngon dở, ưa thích sai khiến, tạo nghiệp chướng lành.

- **Thân:** Không hơn thua, đẹp xấu phô trương, sanh lòng khinh mạn đua đòi.

- **Ý:** Không để cho ý sanh vọng tưởng điên đảo, tâm thức tán loạn sẽ rơi vào tội lỗi.

(theo Thích Nữ Chân Liễu)

Tâm không trụ vào trần cảnh thì tâm sẽ *trụ vào đâu?* Trụ vào nơi không hình tướng, trụ vào nơi *vô niệm*. Nói cách khác là tâm sẽ trụ vào nơi “*vô trụ*” hay cũng còn có thể nói một cách khác nữa là trụ vào nơi “*vô dư niết bàn*”. “*Vô dư niết bàn*” là “*niết bàn*” hiện tại của người còn đang sống; “*hữu dư niết bàn*” là “*niết bàn*” của những người đã nhập tịch (chết).

“*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” ấy cũng chính là cái thân tâm “*đối cảnh vô tâm*” trong bài kệ “**Cư Trần Lạc Đạo**” của vua Trần Nhân Tông. Ở trong trần mà không bị nhiễm bởi trần là cách sống đạt đạo, an nhiên tự tại của vua Trần Nhân Tông. Ngài là *con* vua Trần Thánh Tông và là *cháu nội* của vua Trần Thái Tông.

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc sang hê khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Dịch:

Ở đời vui đạo cứ tùy duyên
Hễ đói thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà sẵn ngọc tìm đâu nữa
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiên.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THIÊN.



Hình minh họa

@/ Chuyện *Qua Đò*.

Trong chuyến đò chở khách qua sông. Một vị tỳ kheo ngồi trên đò liếc nhìn cô lái đò rồi quay đi. Khi tới bến, cô lái đò lấy mỗi người một đồng, riêng vị tỳ kheo thì cô lấy hai đồng.

- Sao cô lại lấy tôi hai đồng?

- Ai bảo lúc nãy Thầy nhìn em!

Đến khi trở về, sau khi qua đò, cô lái đò lấy mỗi người một đồng, riêng thầy tỳ kheo cô đòi bốn đồng. Vị tỳ kheo lại thắc mắc:

- Lần đi cô đòi tôi hai đồng vì tôi nhìn cô. Lần về tôi không nhìn cô, khi tới bờ cô lại đòi tôi tới bốn đồng.

- Lúc đi Thầy nhìn em bằng mắt, em lấy hai đồng vì Thầy nhìn đâu thì thấy đấy. Lúc về Thầy nhìn em bằng ý, bằng tâm, Thầy thấy em tất cả. Thầy phải trả bốn đồng.

Một hôm vị tỳ kheo lại qua sông. Lần này thầy tỳ kheo nhìn thẳng vào cô lái đò. Đò cập bến, nhà sư cười hỏi:

- Lần này tôi phải trả bao nhiêu?

Cô lái đò đáp:

- Em xin đưa Thầy qua sông, không thu tiền!

Thầy tỳ kheo hỏi:

- Vì sao vậy?

Cô lái cười đáp:

- Thầy nhìn mà không còn nghĩ tới em nữa . . . Do vậy em xin đưa Thầy qua sông mà thôi. . . !

Ý nghĩa: Lần thứ nhất *mắt* thầy tỳ kheo *trụ* vào cô lái đò; lần thứ hai thì *ý* của thầy *trụ* vào cô lái đò dù là *mắt* không nhìn. Đâu có phải người mù không thấy là không có chỗ *trụ* đâu; lần thứ ba, sau thời gian tu tập, thầy buông bỏ được sắc

tướng bên ngoài, tâm ý thầy thanh thản, dù có nhìn thẳng vào cô lái đò mà tâm thầy vẫn *không bị trụ* vào cô ấy.

@/ Chuyện **Hãy Bỏ Xuống Đi.**

Một hôm có hai vị sư đi trên bờ sông. Bỗng thấy một cô gái ngã xuống sông kêu cứu. Thấy nơi sông sâu cô gái có thể chết đuối, một thầy nhẩy xuống sông ôm cô gái ấy bơi vào bờ. Khi đem được cô gái lên bờ rồi thì mạnh ai nấy đi. Vị sư cứu người không nói hay đả động gì về cô gái ấy nữa.

Vị sư thứ hai đứng trên bờ trách vị sư cứu cô gái:

- Huynh đã tu tập lâu năm mà nay lại phạm giới luật. Minh là người tu hành sao đụng chạm vào thân thể người con gái như thế!

Vị sư huynh cứ im lặng mà đi không trả lời người sư đệ của mình.

Vị sư đệ cứ tiếp tục “cằm rằm” phiền trách vị sư huynh của mình về sự việc trên cho tới khi về tới cổng chùa. Vị sư huynh mới ôn tồn nói với người sư đệ:

- Ta đã bỏ cô gái ở bờ sông rồi, tại sao sư đệ vẫn còn cõng cô gái ấy về tới tận đây. *Hãy buông cô ta xuống đi!*

Ý nghĩa: Vị sư đệ, tuy ngoài miệng phản đối, nhưng trong thâm tâm vị ấy có thể đã *trụ vào sắc tướng cô gái đó* mất rồi. Thế nên, vị sư huynh mới bảo vị sư đệ là hãy buông cô ấy xuống đi nghĩa là đừng bận tâm tới cô ấy nữa, tâm ý đừng *trụ* vào cô gái nữa.

@/ Chuyện **Không Thở Nhắm Mắt.**

Một vị sư tu tại một ngôi chùa nọ. Có một nữ thí chủ thường hay lui tới chùa cúng Phật. Mỗi lần cô gái đó ra về thì vị sư này lấy khăn ra lau, lau đi lau lại thật kỹ cho sạch những nơi cô gái đó ngồi.

Rồi đến một ngày, vị sư đó qua đời. Hai con mắt thầy cứ mở trừng trừng không làm cách nào để có thể làm thầy nhắm mắt lại được. Cho tới khi cô gái đó tới nắm tay vị sư, vị sư mới nhắm mắt ra đi.

Ý nghĩa: Bên ngoài thì như thế mà tâm ý vị sư đã *trụ* vào người nữ thí chủ đó một cách hết sức sâu đậm.



* * *

Nhân đây, tôi xin kể vài câu chuyện thiền có liên quan tới ông *Tô Đông Pha* và *thiền sư Phật Ấn*.

Tô Đông Pha là nhân vật của Trung Hoa, một danh tài văn chương lỗi lạc ít ai sánh kịp. Ông là người rất thông hiểu đạo Phật và từng làm quan to ở Hàng Châu dưới thời Bắc Tống.

Trước khi vào chuyện, chúng ta cũng nên biết về *cá tính và sự giao du* thân mật của hai nhân vật này.

Tô Đông Pha là người cao ngạo, nói chuyện với người nào cũng muốn chơi gác, muốn hơn chứ không muốn thua ai. Trong lúc rảnh rỗi, ông thường đến bàn luận về đạo pháp với vị thiền sư Phật Ấn là người bạn rất thân của ông. *Phật Ấn*, vị thiền sư nổi tiếng thời Bắc Tống. Trong khi đàm đạo, Tô Đông Pha luôn dùng mọi lý lẽ để thắng thiền sư Phật Ấn, nhưng lần nào ông cũng bị thua.

Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn có những giai thoại rất hay.

@/ Chuyện **Đổng Phân Bò**

Một hôm Tô Đông Pha ngồi tọa thiền cùng thiền sư Phật Ấn. Tô Đông Pha hỏi:

- Thiền sư nhìn xem tôi giống cái gì?

Phật Ấn trả lời:

- Ông ngồi giống như Đức Phật!

Phật Ân hỏi lại:

- Thế ông nhìn xem tôi giống cái gì?

Tô Đông Pha trả lời:

- Ông ngồi giống như *đồng phân bò*!

Tô Đông Pha rất đắc ý với câu trả lời của mình vì đã hạ được thiền sư Phật Ân một vố đau. Không cần hỏi gì thêm, Tô Đông Pha liền đứng dậy đi về lòng vui phơi phới vì nghĩ lần này đã hạ được sư Phật Ân.

Trên đường về, gặp ai ông cũng khoe. Dọc đường ông gặp người em gái của ông là Tô Tiểu Muội, ông liền hí hửng lại đem câu chuyện ấy ra khoe. Khi ông vừa kể dứt câu chuyện, cô em gái liền nói:

- Anh lại thua thiền sư Phật Ân rồi!

- Thua ở chỗ nào? Thắng rõ ràng mà!

Cô em gái mới giải thích cho ông nghe:

- Tâm của thiền sư là tâm Phật nên nhìn thấy anh ngồi như Phật. Còn tâm anh giống như đồng phân bò nên mới nhìn thấy ông ấy giống đồng phân bò.



@/ Chuyện ***Bát Phong Xuy Bất Động*** tức ***Tám Ngọn Gió Thổi Không Động***.

Ông Tô Đông Pha là người mộ đạo Phật. Sau những năm tu tập, ông nghĩ mình đã ngộ đạo nên làm một *bài kệ* gửi đến thiền sư Phật Ân nhằm mục đích nhờ thiền sư *ấn chứng* cho sự chứng đắc của ông. Bài kệ rằng:

*Khể thủ thiên trung thiên
Hào quang chiếu đại thiên
Bát phong xuy bất động
Đoan tọa tử kim liên.*

(“thiên trung thiên” tức là Phật, bậc Giác Ngộ)

Tạm dịch là:

*Đảnh lễ bậc Giác Ngộ
Hào quang chiếu vũ trụ
Tám gió thổi chẳng động
Ngồi vững tòa sen vàng.*

Ý nói bây giờ ông đã ngộ đạo, đã nhận ra *con người chân thật* của ông ở giữa cõi thế gian này. Con người chân thật đó, cũng như Phật, tỏa sáng hào quang khắp cả đại thiên thế giới. Bây giờ dù có “bát phong xuy bất động” tức “*tám ngọn gió độc*” cũng không thổi động tới tâm ông được.

Thiền sư Phật Ấn thấy bài thơ có ý tứ rất hay do “văn hay chữ tốt”. Nhưng thiền sư biết tâm tính của người bạn mình chưa đạt được ý nghĩa sâu xa của Phật pháp, nên thay vì khen ngợi, ông phóng bút phê trên bài kệ hai chữ “phóng thí” tức “đánh rắm” (hạ phong) rồi gửi trở lại cho Tô Đông Pha.

Nhận được lời phê “đánh rắm” của Phật Ấn, Tô Đông Pha tức tốc bơi thuyền qua sông gặp thiền sư để hỏi cho ra lẽ. Khi vừa bơi thuyền tới bờ sông, Tô Đông Pha đã thấy thiền sư Phật Ấn đứng đợi ở đó.

Tô Đông Pha liền hỏi:

- Bài kệ của tôi hay như vậy sao Thầy không khen mà lại phê bình như vậy?

Thiền sư Phật Ấn mới nhẹ nhàng trả lời:

- Ông nói gì trong bài kệ vậy? *Tám gió không động* mà bây giờ mới có một ngọn gió nhẹ đã thổi ông từ bên kia sông sang bên này sông. Như vậy là tâm ông động rồi.

Đến đây, Đông Pha mới chợt hiểu ra mình chưa bất động.

Tám ngọn gió đó là *lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc*. *Lợi*: Khi được lợi thì vui mừng hơn hờ. *Suy*: Khi bị mất mát, tổn hại thì buồn rầu, nuối tiếc. *Hủy*: Khi bị chê bai, chỉ trích thì cảm thấy khó chịu. *Dự*: Khi được khen ngợi thì vui thích, hài lòng. *Xung*: Khi được mọi người xung tụng, tung hô thì hả hê, vui sướng. *Cơ*: Khi bị chế diễu, vu khống thì hậm hực, khó chịu không yên. *Khổ*: Khi gặp những điều không như ý thì đau khổ, buồn bực. *Lạc*: Khi mọi việc đều thuận lợi như ý thì mừng rỡ, vui vẻ.



@/ Chuyện *Ngồi Đâu?*

Một hôm nọ thiền sư Phật Ấn đang ngồi ở trên pháp tòa giảng pháp. Ông Tô Đông Pha đến trễ. Từ trên pháp tòa thiền sư Phật Ấn đưa mắt nhìn thấy Tô Đông Pha tới mới nói một câu:

- Ở trong này không còn chỗ ngồi!

Đây là một câu thử, ý nghĩa rất sâu xa. Ông Tô Đông Pha trả lời:

- Nếu trong ấy không còn chỗ ngồi thì tôi mượn thân của ngài để ngồi lên được không?

Lợi dụng câu đó để hạ thiền sư Phật Ấn. Thiền sư không cần suy nghĩ nói:

- Bây giờ tôi xin hỏi ông một câu, nếu như ông trả lời được thì tôi sẽ đem cái thân này cho ông ngồi. Còn như ông trả lời không được thì ông cỡi “ngọc đá” (ngày xưa các quan đeo ngọc đá ở quanh lưng) để lại đây.

Tô Đông Pha tự tin vào trình độ tu hành và kiến thức của mình không thua ai nên trong lòng ông rất tự đắc:

- Xin thiền sư cứ hỏi!

Tô Đông Pha vừa dứt lời, thiền sư liền hỏi:

- Tứ đại vốn không, ngũ âm vô ngã, thân này là không. Vậy ông ngồi chỗ nào?

Tô Đông Pha không trả lời được. Phật Ấn dùng đạo lý để hỏi chứ không dùng tướng thân để hỏi. Ý nói thân tôi tứ đại (đất, nước, gió, lửa) đều là không. Bây giờ nói là không thì ông lấy gì ông ngồi.

Cuối cùng Tô Đông Pha phải cỡi “ngọc đày” để lại cho chùa Kim Sơn làm kỷ niệm.

Đối với người giác ngộ thì thấy *thân này là giả* nên mọi chuyện xảy đến người ta hóa giải được dễ dàng.

PHẦN ĐỌC THÊM

- THIÊN TÔNG (Trung Hoa)

Đứng về lịch sử và phát triển của thiền, người ta thường nghe thấy có ba pháp thiền quen thuộc của ba thời kỳ khác nhau. Đó là Thiền Nguyên thủy, Thiền Đại thừa và Thiền tông. Những thời kỳ khác nhau đó là những khoảng cách rất lớn về thời gian. Tất nhiên còn nhiều ngành thiền khác như Thiền Mật tông ở Tây Tạng, Thiền Tịnh độ ... chẳng hạn.

Đạo Phật được truyền vào Trung Hoa rất sớm. Từ thế kỷ đầu của Tây lịch, đạo Phật đã có mặt ở Trung Hoa rồi. Vào lúc đó, sự truyền giáo từ Ấn Độ vào Trung Hoa không phải là những pháp tu của Thiền tông như thế này mà chỉ là những giáo lý GIẢI THOÁT *rất căn bản* như **giới**, **định** và **tuệ** chẳng hạn: Giữ giới thì việc tu tập thiền định tự nhiên sẽ được tăng trưởng, từ trong thiền định ấy sẽ sinh ra trí tuệ để làm việc lành tránh việc dữ, chiến thắng được dục vọng, phẫn nộ, ngu si, ảo tưởng, ham muốn, và từ đó sẽ đạt được sự giải thoát trong cuộc sống hòa bình an vui.

Muốn phát triển đạo Phật sâu rộng ở Trung Hoa, đường lối truyền giáo cần phải được sửa đổi sao cho thích hợp với bản chất của người địa phương ở vùng Đông thổ (tức Trung Hoa). Người Ấn Độ thì thiên về *siêu hình*, *bí ẩn* trong khi người Trung Hoa thì thiên về *thực dụng*, *đơn giản*. Do đó, Thiền tông được thành hình và phát triển bởi các “Tổ Sư” thiền người Trung Hoa sáng lập nên cho phù

hợp với hoàn cảnh. Vì thế, Thiên tông còn được gọi là “Tổ Sư Thiên”. *Thiên tông mang đặc chất hoàn toàn Trung Hoa.*

Để Thiên tông mang tính chất *chánh truyền*, các Tổ Sư Trung Hoa đã dùng phương pháp truyền “y bát” từ vị Tổ này sang vị Tổ kế tiếp. Các Tổ sau ngài Lục Tổ Huệ Năng, tục lệ kế thừa bằng đường lối truyền “y bát” không còn nữa. Sau Lục Tổ là Tổ Thần Hội (Thần Hội thấy được đạo lúc ngài mới 13 tuổi, vượt lên trên hàng nghìn chúng đồ cùng theo tu học với Lục Tổ).

Nên biết, y bát của các “Tổ Thiên tông” Trung Hoa truyền cho nhau không phải là y bát của Đức Phật. Y bát của Đức Phật, khi ngài nhập diệt, đã được trao cho ngài Ca Diếp giữ để truyền lại cho Đức Phật Di Lặc sau này. Và cũng nên biết thêm, ngay cả giáo đoàn của Đức Phật, Đức Phật cũng không giao cho ai thay ngài cả mà chỉ dặn đệ tử: *lấy giới luật làm thầy* và dùng *Pháp Tứ Niệm Xứ để tu tập*.

Vị Tổ Sư đầu tiên của Thiên tông là ngài Bồ Đề Đạt Ma. Bồ Đề Đạt Ma người Ấn Độ, sang Trung Hoa truyền giáo vào năm 520 sau Công nguyên. Ngài sang Trung Hoa đem theo một tông chỉ rất rõ ràng: *bất lập văn tự, trực chỉ chân tâm kiến tánh thành Phật, chân lý nằm ngoài ngôn từ, kinh điển*.

Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma mang tư tưởng ấy đi truyền bá ở Trung Hoa nhưng bị thất bại ngay lần đầu tiên khi tiếp kiến vua Lương Vũ Đế. Nhà vua hỏi:

- Tôi cất chùa vô số như vậy tôi có công đức không?

Bồ Đề Đạt Ma trả lời ngay:

- Chẳng có công đức gì cả!

Lương Vũ Đế không hài lòng về câu trả lời này.

Thất bại ở nước Lương, Bồ Đề Đạt Ma bỏ sang nước Ngụy, ngồi quay mặt vào vách đá 9 năm để tu. Cả đời Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma không độ được ai, chỉ trừ Thần Quang, tức Tổ Sư Huệ Khả. Sau đời Tổ Huệ Khả, các Tổ kế tiếp theo tuần tự là Tổ Tăng Sáng, Đạo Tín, Hoàng Nhãn, Huệ Năng. . . *Chỉ có Tổ Huệ Năng là lột tả, ứng dụng và phát huy được trọn vẹn tông chỉ của Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Tổ thứ nhất)*. Vì Tổ Huệ Năng không biết chữ, đến chữ “nhất” cũng không biết mà vẫn đạt đạo. Điều đó chứng minh được ý tưởng “bất lập văn tự” của ngài Bồ Đề Đạt Ma ngày trước. Người đời sau đã tôn vinh Lục Tổ Huệ Năng là người đã đưa Thiên tông lên đến tuyệt đỉnh của pháp môn “*Trực chỉ chân tâm Kiến tánh thành Phật*”, đó là tông chỉ ban đầu Tổ Bồ Đề Đạt Ma đưa ra.

- THIỀN PHÁI TRÚC LÂM (Việt nam)

Đạo Phật vào Việt Nam ta rất sớm, có thể trước cả Trung Hoa nhưng “thiền” lại phát triển mạnh ở Trung Hoa. Giữa *Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử*, mặc dù được coi là một thiền phái riêng biệt của Việt Nam, cũng như Thiền tông là của riêng Trung Hoa, nhưng cả hai thật rất gần gũi nhau. Một điều thể hiện rất rõ là trong bài tựa “*Thiền Tông Chỉ Nam*” của vua Trần Thái Tông có nhiều điểm cốt yếu tương đồng với ngài Lục Tổ Huệ Năng với “*Kinh Bảo Đàn*” của Thiền Tông Trung Hoa:

- 1- Cùng nói *Phật không có Nam Bắc*, mọi người đều có thể tu cầu thành Phật.
- 2- Cùng *cầu thành Phật* chứ không cầu gì khác.
- 3- Cùng *ngộ bằng kinh Kim Cang* bởi câu "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*".

NGUYỄN GIỮ HÙNG

Mời nghe bản nhạc:

[Duyên dáng áo lam](#)



[Trở lại MỤC LỤC TẬP GHI](#)